

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÂN
THÀNH NAM**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÂN THÀNH NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN THANH NAM INVESTMENT AND TRADING EXPORT IMPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAN THANH NAM INVEST CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108779769

3. Ngày thành lập: 12/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 902, Tầng 9, Số 71, Đường Mai Hắc Đế, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936 069 269

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299(Chính)
2.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
3.	Bốc xếp hàng hóa	5224
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
6.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
7.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
8.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
11.	Bán buôn tổng hợp	4690
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm, dược liệu, thuốc, thuốc từ dược liệu và dụng cụ y tế;	4649
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
21.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
22.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
23.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
24.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
25.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
28.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
29.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
30.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
31.	Sản xuất đường	1072
32.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
33.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
34.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
35.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
36.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
37.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
38.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
40.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
41.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
42.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
43.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
44.	Chăn nuôi gia cầm	0146
45.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
46.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
47.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
48.	Trồng cây lâu năm khác	0129

49.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
50.	Trồng cây chè	0127
51.	Trồng cây cà phê	0126
52.	Trồng cây cao su	0125
53.	Trồng cây hồ tiêu	0124
54.	Trồng cây điều	0123
55.	Trồng cây ăn quả	0121
56.	Trồng cây hàng năm khác	0119
57.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
58.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
59.	Trồng cây lấy sợi	0116
60.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
61.	Trồng cây mía	0114
62.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
63.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
64.	Trồng lúa	0111

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ THANH TUẤN	Tổ 45, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	80.000.000.000	80,000	034081008936	
2	LƯƠNG KHÁNH HUYỀN	Khu dân cư phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20.000.000.000	20,000	017240373	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ THANH TUẤN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/10/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *034081008936*

Ngày cấp: *31/07/2018*

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 45, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 224 D17, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*